

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Pháp lệnh giá;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 129/2010/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải đường bộ và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 24/2010/TTBGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Quyết định này áp dụng đối với các đối tượng có xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Điều 2. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô

1. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng), từ bến xe loại 01 đến loại 06 theo tiêu chí phân loại tại Thông tư số 24/2010/TT-BGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

2. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô thu theo trọng tải, ghế xe ghi trong sổ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

3. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô đối với từng loại xe và từng loại bến xe (Phụ lục đính kèm).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2013; thay thế khoản 1 Mục II, khoản 1 Mục III Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2008/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về thu phí sử dụng lề đường, bến, bãi, mặt nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP (I, II);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giao thông Vận tải;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT/UBND tỉnh;
- LĐVP/UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT, KTTH, HS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

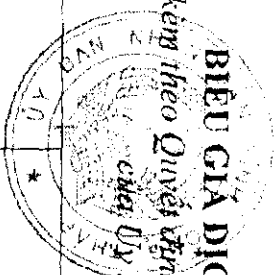


Lê Minh Hoan

PHỤ LỤC

BIỂU GIÁ DỊCH VỤ XE RA, VÀO BẾN XE Ô TÔ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /2013/QĐ-UBND ngày 1 tháng 4 năm 2013
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)



TT		Đối tượng	Đơn vị tính	Mức giá					
				Bến xe loại 1	Bến xe loại 2	Bến xe loại 3	Bến xe loại 4	Bến xe loại 5	Bến xe loại 6
I Xe khách chạy tuyến cố định (bao gồm cả xe khách có giường nằm)									
1	Tuyến có cự ly từ 100km trở xuống		đồng/ghế/lượt	2.000	1.800	1.700	1.500	1.400	1.300
2	Tuyến có cự ly trên 100km đến 200km		đồng/ghế/lượt	2.300	2.200	2.000	1.800	1.600	1.500
3	Tuyến có cự ly trên 200km đến 300km		đồng/ghế/lượt	2.700	2.500	2.300	2.100	1.900	1.800
4	Tuyến có cự ly trên 300km		đồng/ghế/lượt	3.100	2.900	2.600	2.400	2.200	2.000
II Các loại xe khác									
1	Xe buýt		đồng/xe/tháng	400.000					
2	Xe taxi		đồng/xe/lượt	3.000					
3	Xe mô tô ba bánh chở hàng (và các xe tương tự)		đồng/xe/lượt	2.000					
			đồng/xe/tháng	20.000					
4	Xe gắn máy, mô tô hai bánh (chở khách)		đồng/xe/tháng	10.000					